CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Công nghiệp dầu thực vật Việt Nam - CTCP

Ngày 30/06/2025	14,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.3%	**-2.5%**	**-**

DT thuần
Q2/25
84.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼50.1| -37.1%
YoY: ▲ 8.00| 10.4%

LN thuần
Q2/25
30.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.7| 218%
YoY: ▲ 16.1| 114%

LN sau thuế
Q2/25
26.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.2| 275%
YoY: ▲ 15.2| 138%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
35.9%
YoY: +/-▲ 28.9%

ROE (TTM)
Q2/25
3.3%
YoY: +/-▲ 0.9%

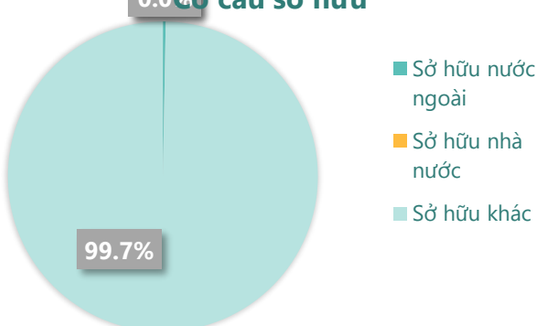
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,103 - 20,309
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,778
Số lượng CPLH (CP)	121,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,555
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.12
EPS	568
P/E	25.7

DT thuần
6T 2025
220
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 104| 90.1%

LN thuần
6T 2025
39.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.3| 69.7%

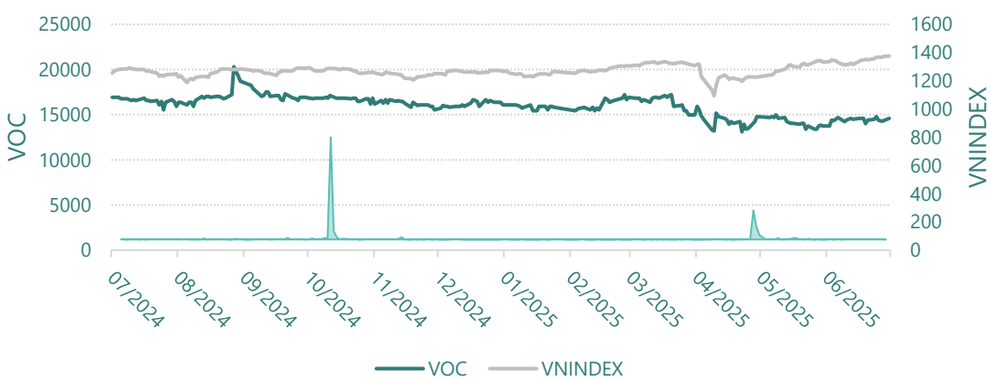
LN sau thuế
6T 2025
33.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.3| 85.4%

Cơ cấu sở hữu

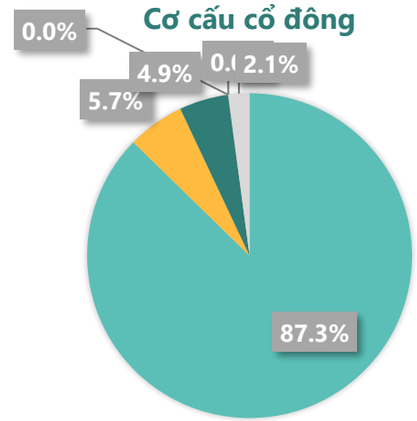


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



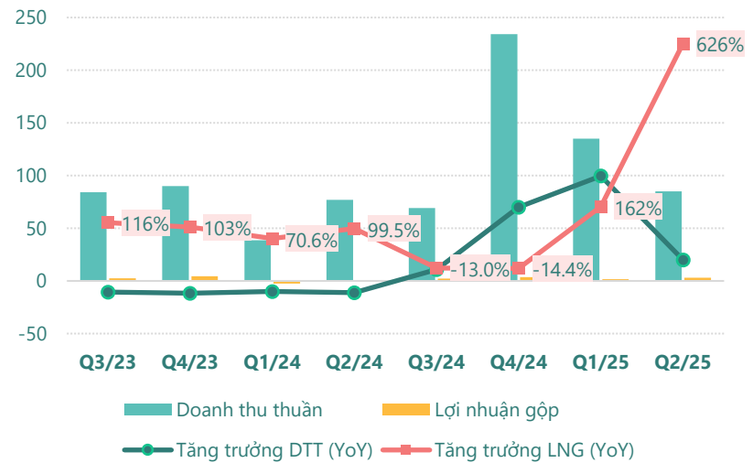
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

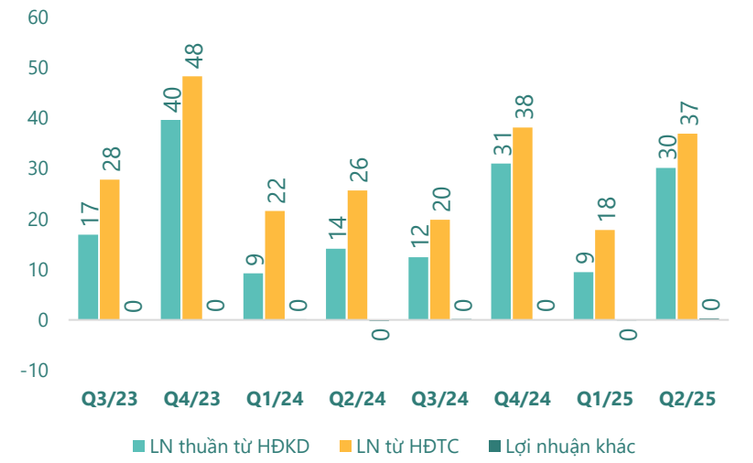
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



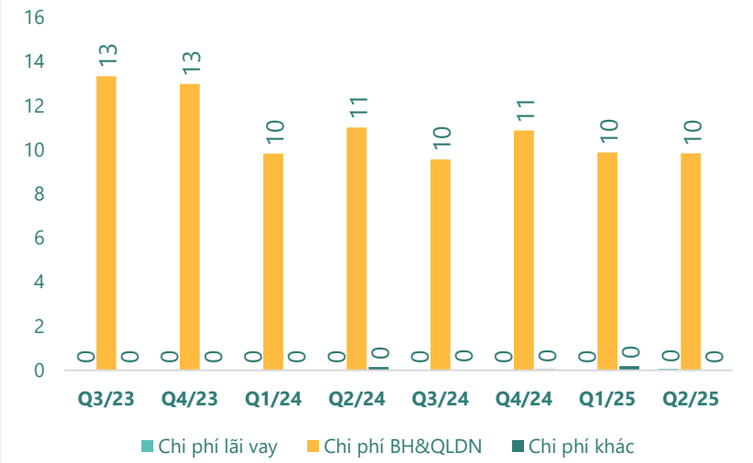
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



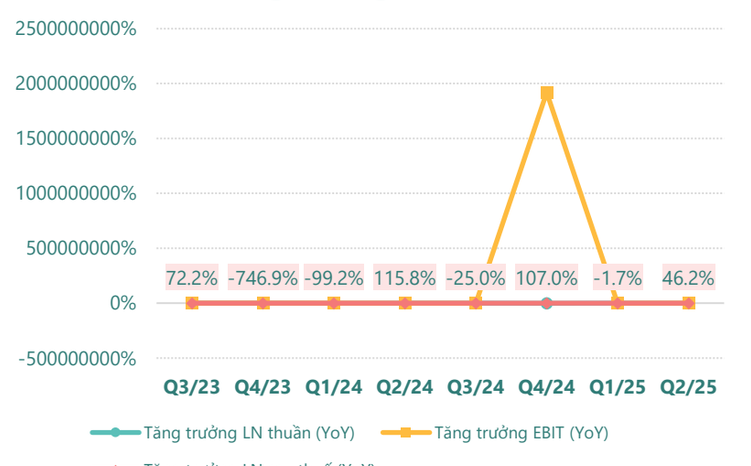
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



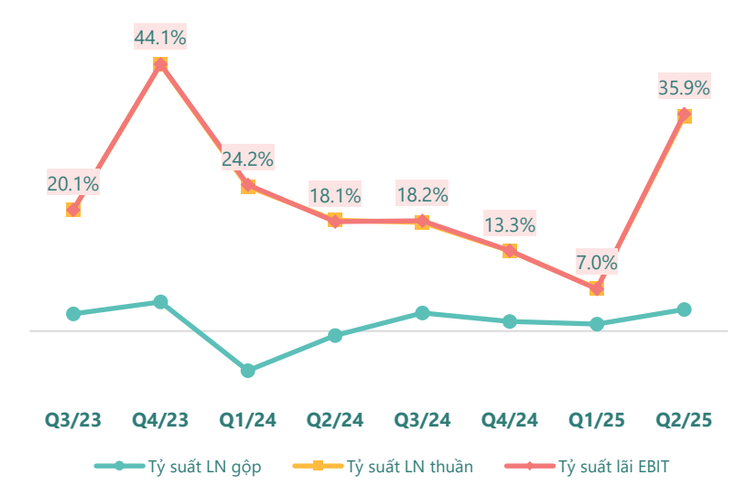
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



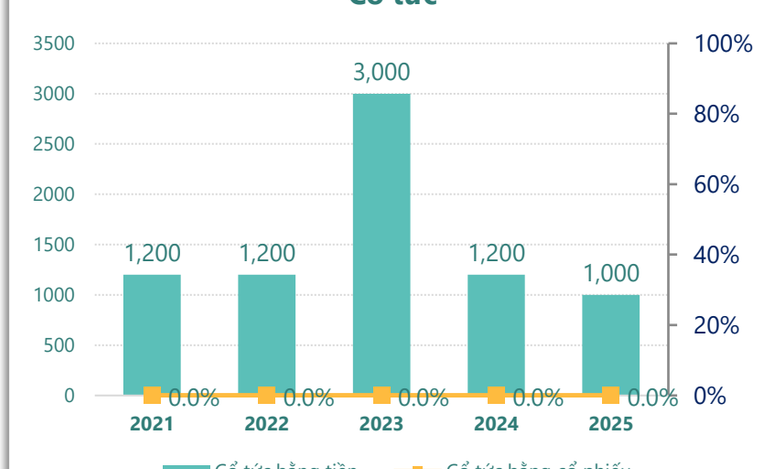
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

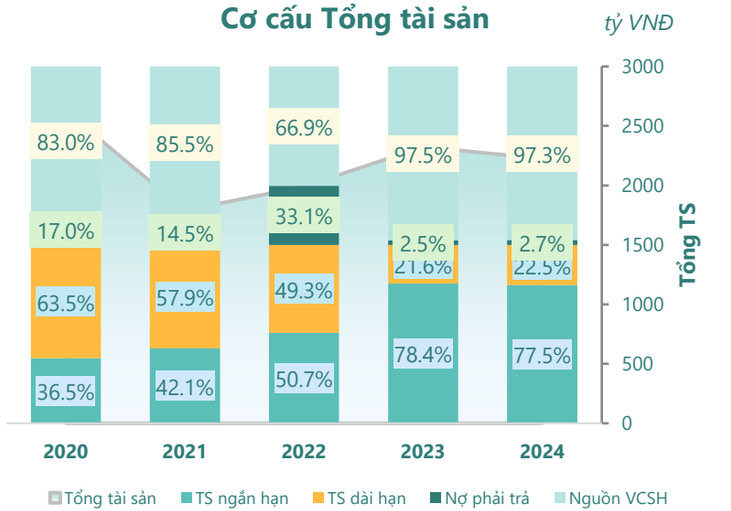
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

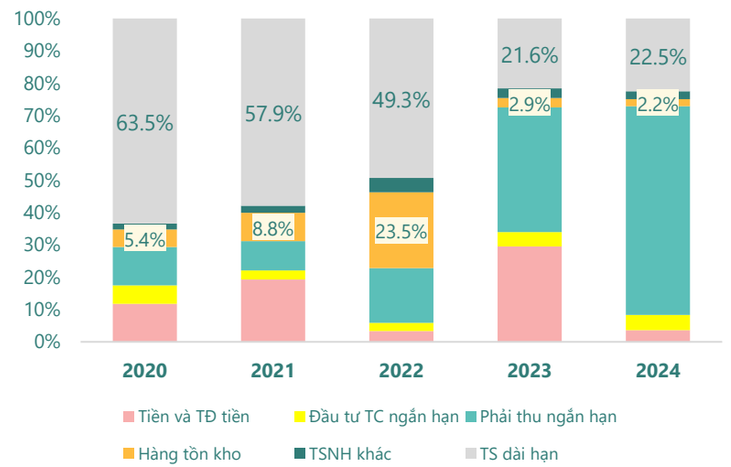
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



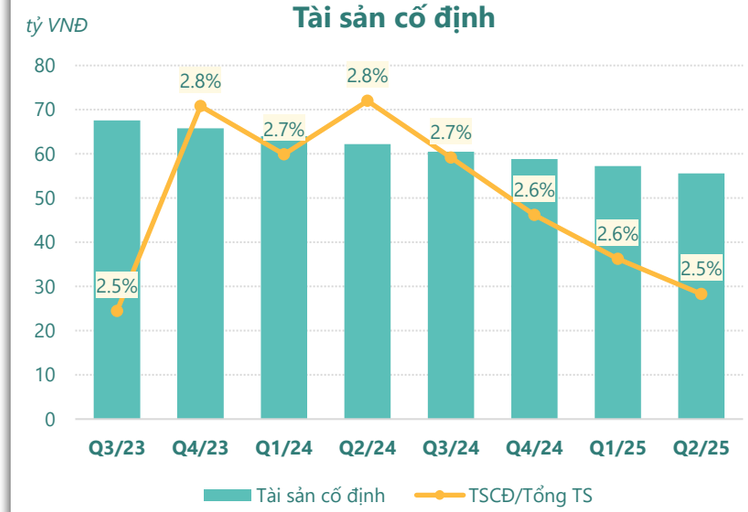
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



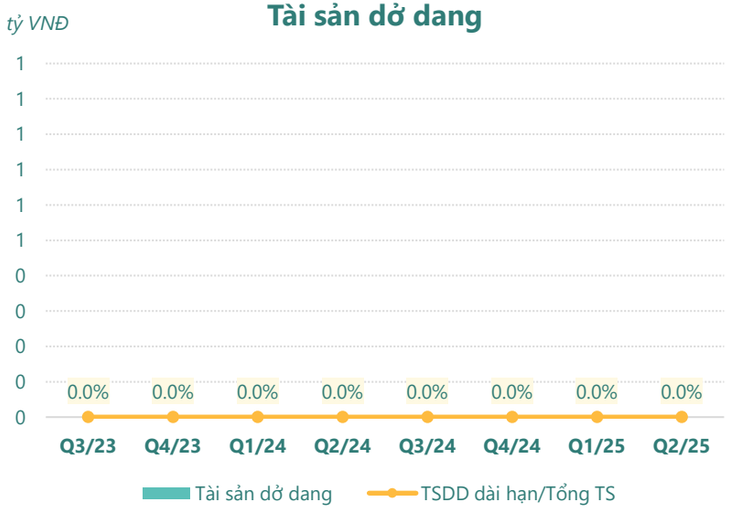
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



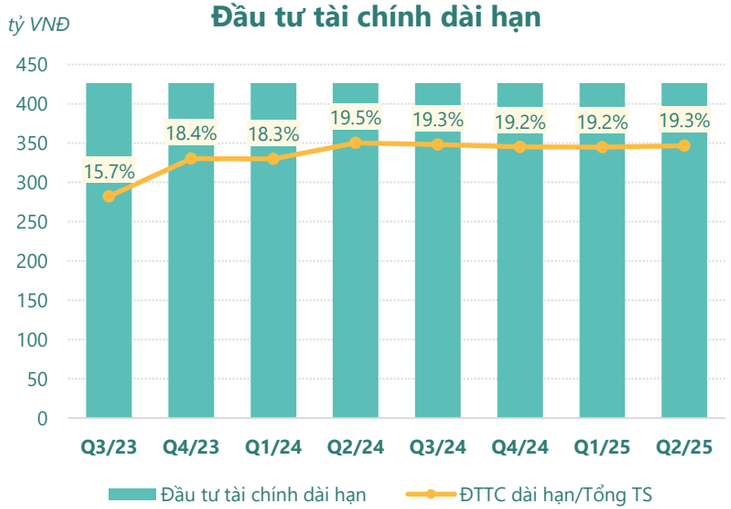
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



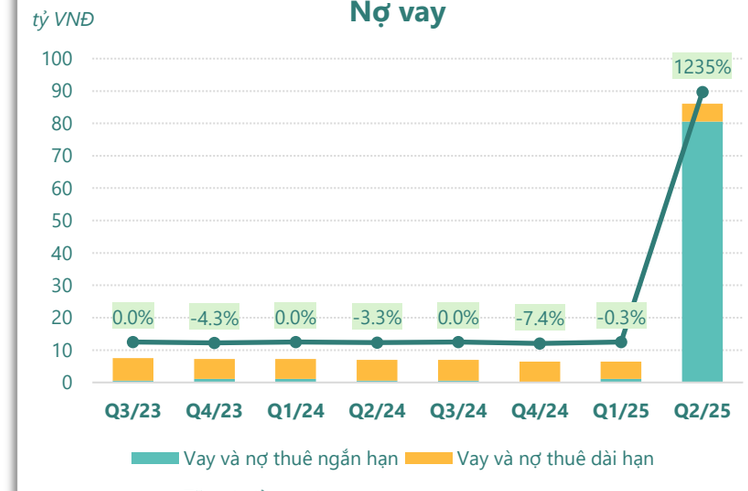
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

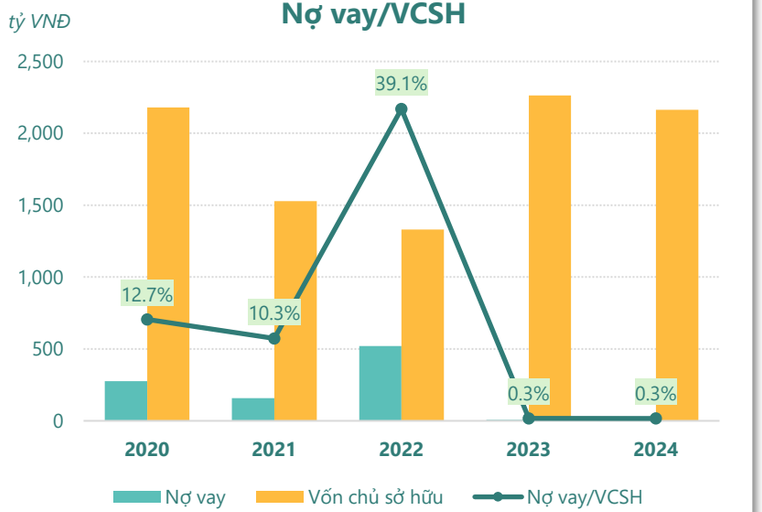
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

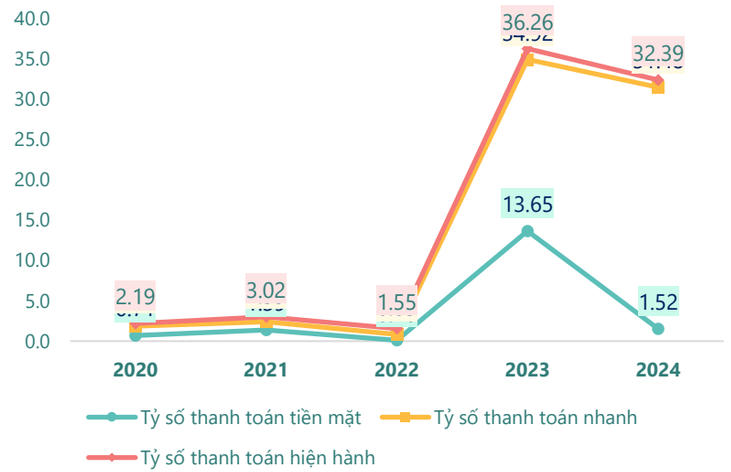
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



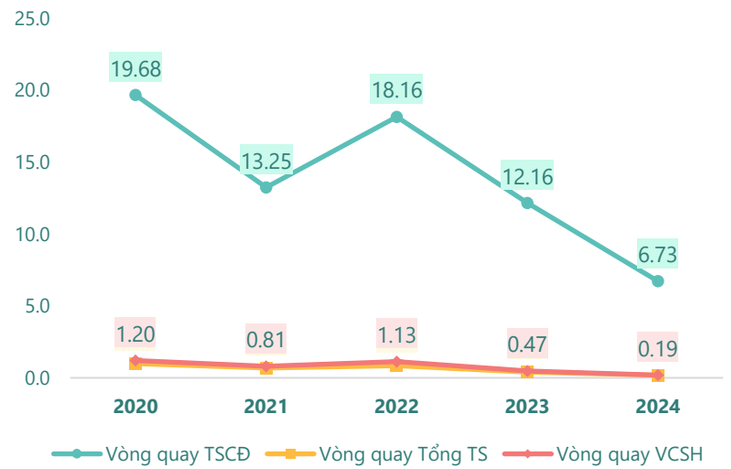
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



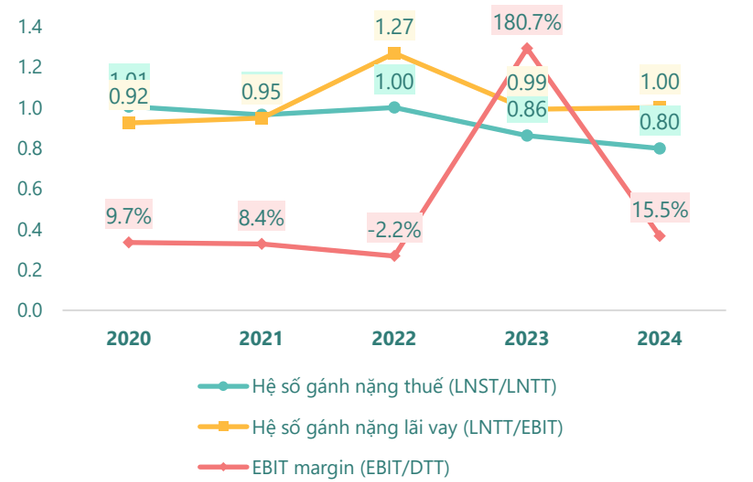
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



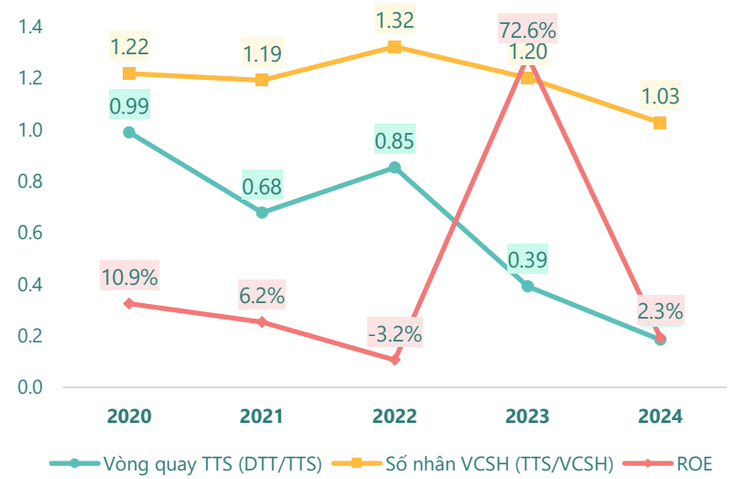
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



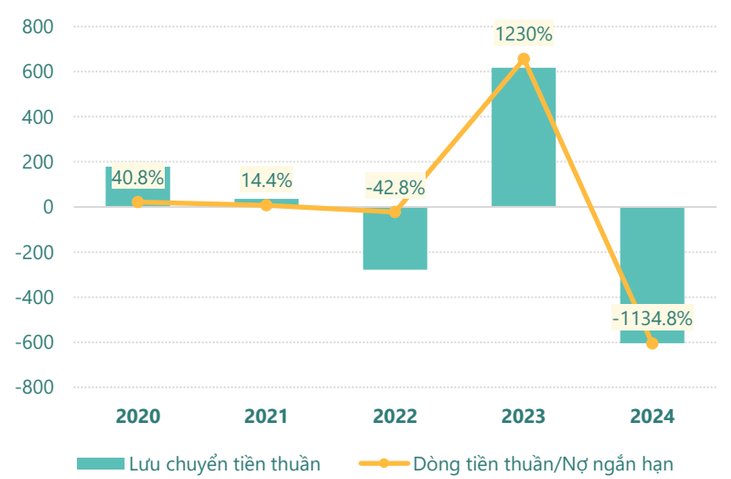
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**84.9**	**76.9**	**10.4%**	**220**	**116**	**90.1%**
Giá vốn hàng bán	81.9	77.5	5.6%	215	119	81.3%
Lợi nhuận gộp	3.04	-0.58	624%	4.60	-3.11	248%
Doanh thu HĐTC	37.2	25.7	44.7%	55.2	47.4	16.5%
Chi phí TC	0.24	0.02	1077%	0.38	0.04	929%
Chi phí lãi vay	0.05	0.00		0.05	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.93	4.05	-2.9%	8.33	7.93	5.0%
Chi phí QLDN	**5.91**	**6.97**	**-15.2%**	**11.4**	**12.9**	**-11.8%**
LN thuần từ HĐKD	30.2	14.1	114%	39.7	23.4	69.7%
Lợi nhuận khác	**0.27**	**-0.21**	**231%**	**0.18**	**-0.11**	**268%**
LN trước thuế	30.4	13.9	119%	39.8	23.3	71.3%
Lợi nhuận sau thuế	**26.2**	**11.0**	**138%**	**33.2**	**17.9**	**85.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**26.2**	**11.0**	**138%**	**33.2**	**17.9**	**85.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	65.7	13.7	20.4	2.07	105	-91.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	32.3	-58.3	-528	-4.75	-39.5	136
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-147	0	-0.55	0	-42.4
Tiền đầu kỳ	685	783	594	86.4	81.2	147
Lưu chuyển tiền thuần	**98.1**	**-191**	**-508**	**-3.23**	**65.7**	**1.98**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	1.96	0	0	0	1.17
Tiền cuối kỳ	783	594	86.4	83.1	147	150

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,213**	**2,225**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	1,713	1,725	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	150	81.2	84.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	104	-100%
Phải thu ngắn hạn	1,468	1,436	2.3%
Hàng tồn kho	44.5	48.4	-8.0%
Tài sản ngắn hạn khác	50.5	55.7	-9.3%
Tài sản dài hạn	**500**	**500**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	14.2	11.1	27.5%
Tài sản cố định	55.6	58.8	-5.5%
Bất động sản đầu tư	3.93	4.02	-2.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	426	426	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	141	60.5	132%
Nợ ngắn hạn	**133**	**53.2**	**150%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.5	1.10	7205%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.17	7.37	-2.8%
Nợ dài hạn	7.48	7.29	2.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.53	5.34	3.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,073**	**2,164**	**-4.2%**
Vốn chủ sở hữu	**2,073**	**2,164**	**-4.2%**
Vốn điều lệ	1,218	1,218	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)